

CTCP Gạch Men Chang Yih (UPCOM: CYC)

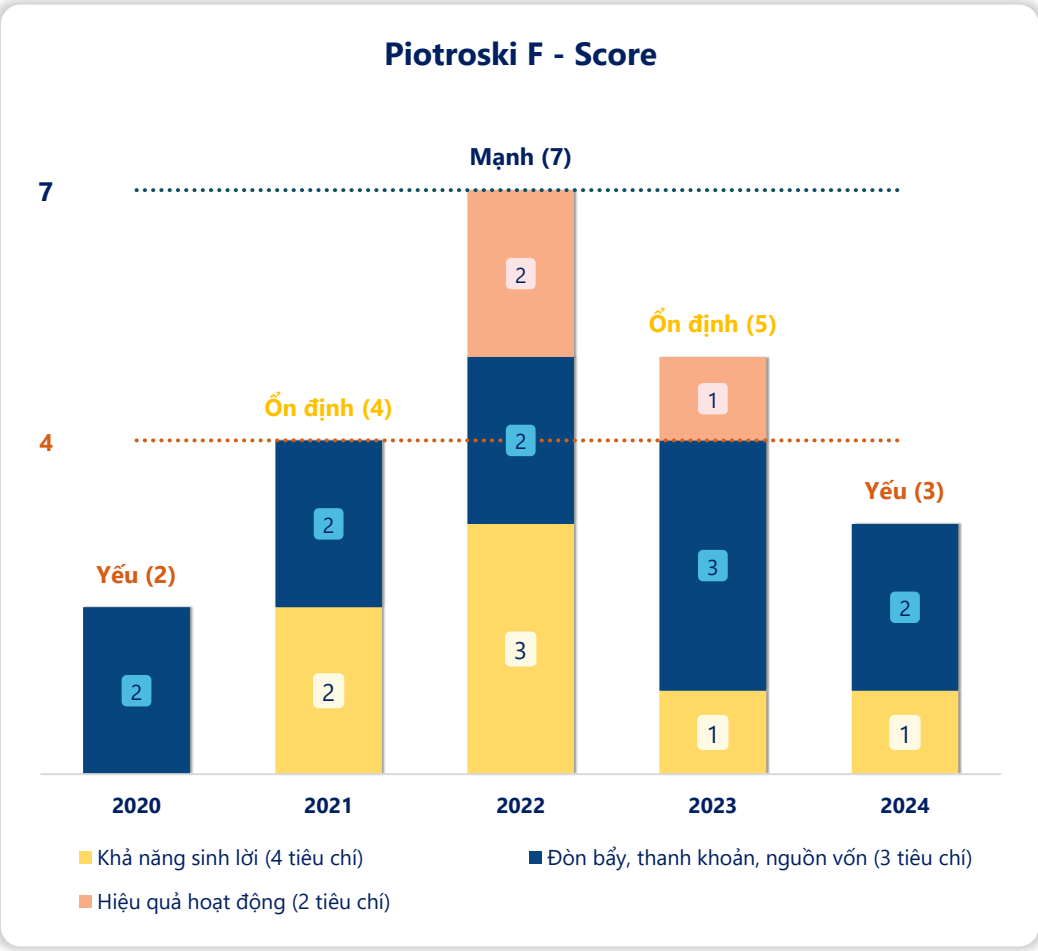
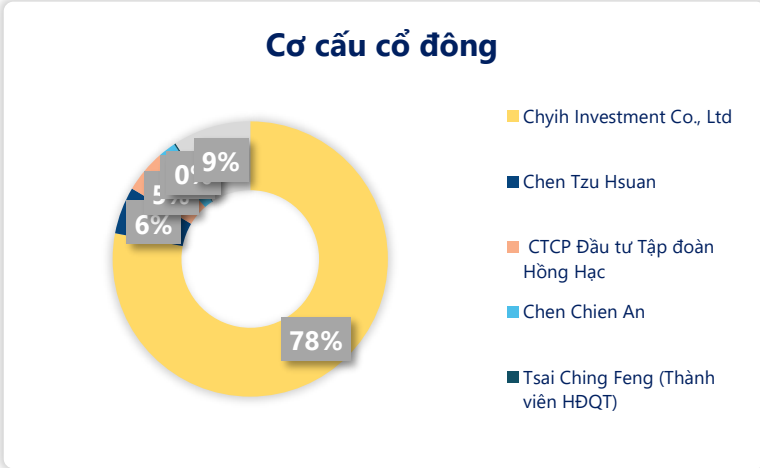
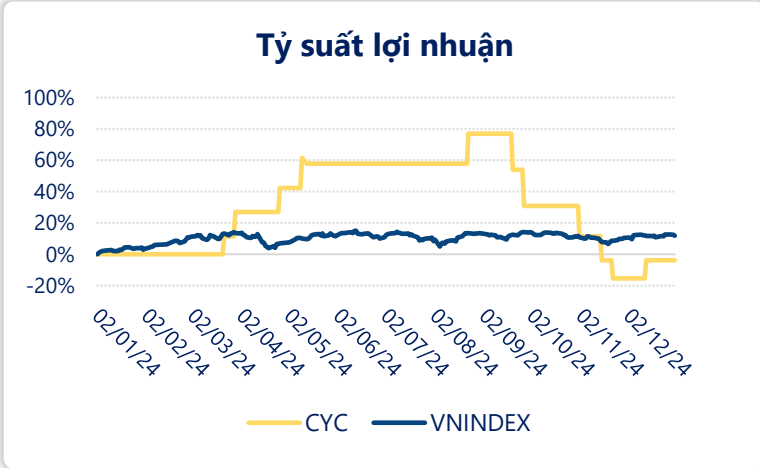
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	2,500 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	13.6%	-26.5%	-39.0%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	3/9
2024	(Yếu)

DT thuần	2024
129	YoY
tỷ VNĐ	▼ 13.0
	▼ 9.3%

LN sau thuế	2024
-23.5	YoY
tỷ VNĐ	▼ 13.1
	▼ 126%

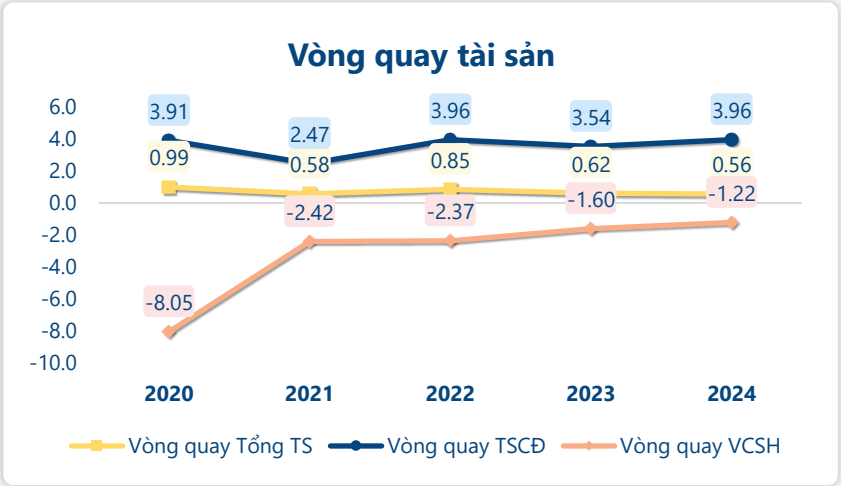
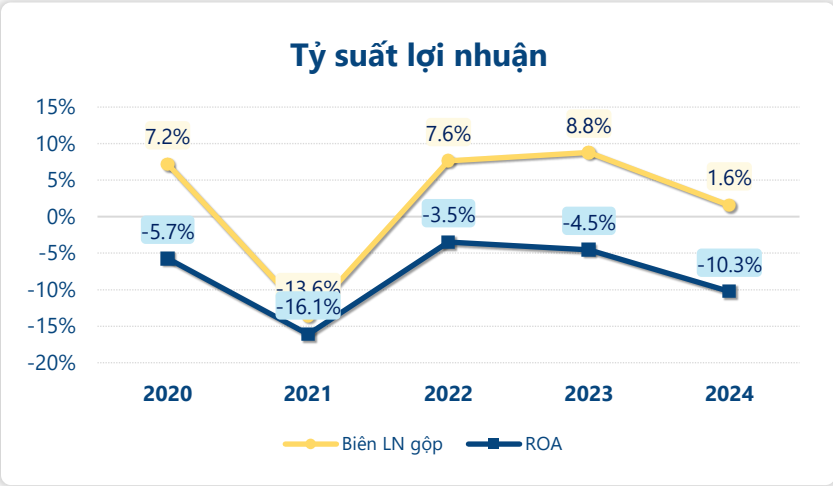
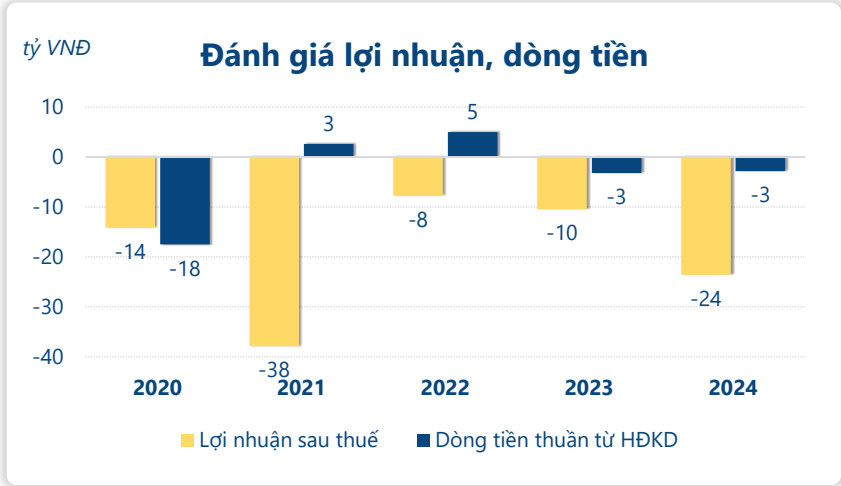


Năm 2024, F-Score của **CYC** đạt **3/9** thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức **"yếu"**.

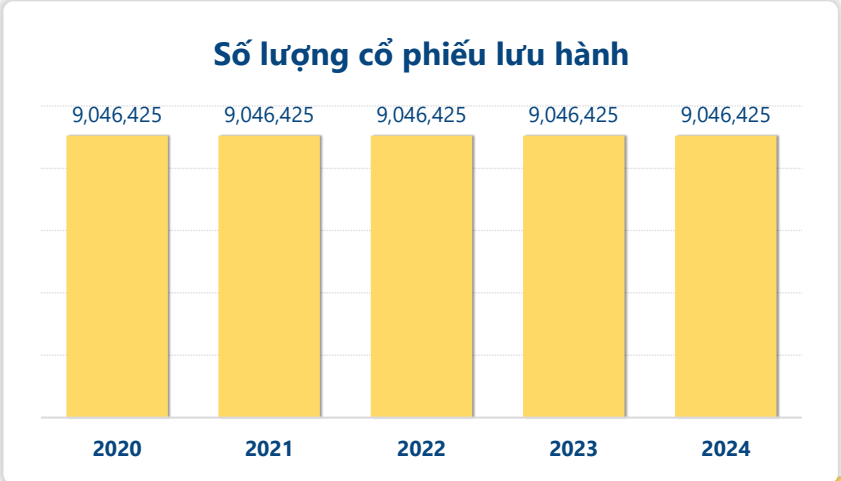
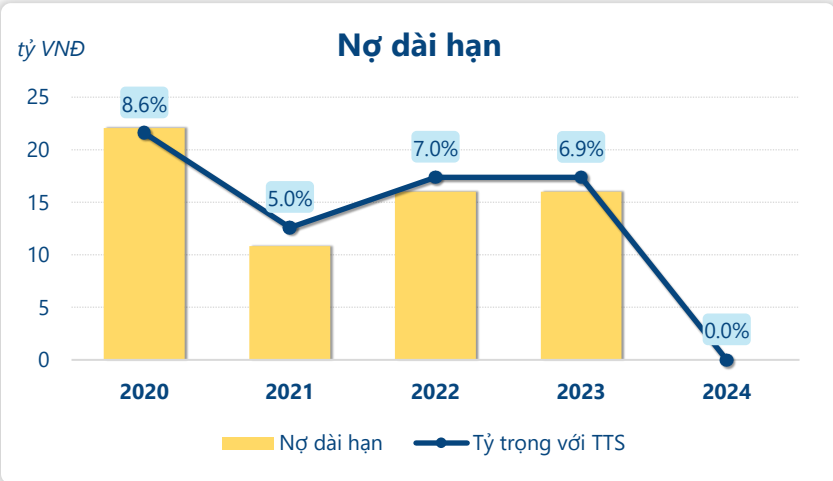
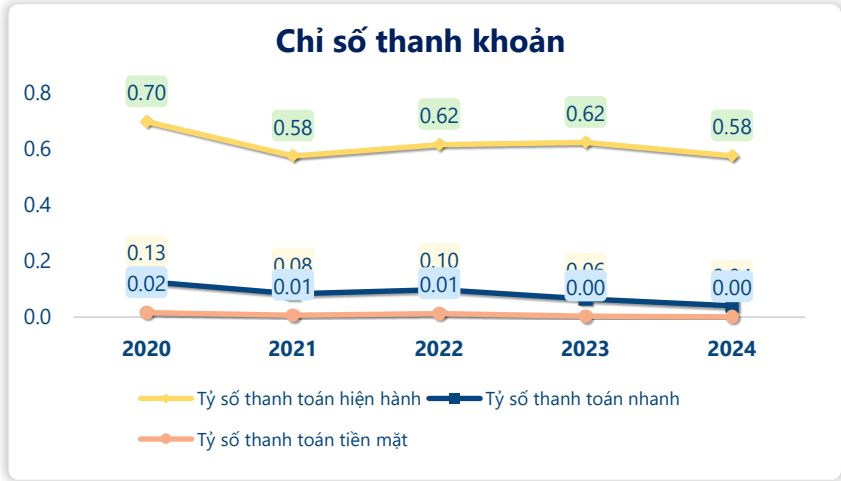
Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Gạch Men Chang Yih (UPCOM: CYC)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **CYC**: Dấu hiệu tiêu cực khi lợi nhuận sau thuế và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm, cho thấy công ty đang gặp vấn đề lớn khi không chỉ ghi nhận lỗ trên báo cáo thu nhập mà còn gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động cốt lõi. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	229	230	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	199	192	3.6%
Tiền và tương đương tiền	0.27	1.12	-75.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.90	-100%
Phải thu ngắn hạn	9.00	13.1	-31.4%
Hàng tồn kho	185	172	7.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.71	3.67	28.6%
Tài sản dài hạn	29.8	38.3	-22.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	28.8	36.1	-20.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.94	2.25	-58.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	346	324	6.8%
Nợ ngắn hạn	346	308	12.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	138	118	16.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	86.1	65.8	30.9%
Nợ dài hạn	0	16.0	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	16.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-117	-93.6	-25.2%
Vốn chủ sở hữu	-117	-93.6	-25.2%
Vốn điều lệ	90.5	90.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	245	137	188	142	129
Giá vốn hàng bán	228	155	174	129	127
Lợi nhuận gộp	17.6	-18.6	14.4	12.4	2.01
Doanh thu HĐTC	0.35	1.34	0.11	0.21	0.08
Chi phí TC	10.3	6.42	6.02	10.7	5.10
Chi phí lãi vay	9.90	5.03	2.36	7.47	0.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.25	5.01	5.31	4.96	5.65
Chi phí QLDN	11.2	8.59	9.84	6.64	7.53
LN thuần từ HĐKD	-12.7	-37.2	-6.70	-9.61	-16.2
Lợi nhuận khác	-1.44	-0.62	-1.03	-0.81	-7.35
LN trước thuế	-14.2	-37.8	-7.73	-10.4	-23.5
Lợi nhuận sau thuế	-14.2	-37.8	-7.73	-10.4	-23.5
LNST của CĐ cty mẹ	-14.2	-37.8	-7.73	-10.4	-23.5

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-17.5	2.61	5.01	-3.23	-2.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.49	-0.11	-4.50	0.75	1.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.00	-5.00	1.30	0	0
Tiền đầu kỳ	18.3	4.29	1.78	3.60	1.12
Lưu chuyển tiền thuần	-14.0	-2.50	1.81	-2.48	-0.86
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.01	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	4.29	1.78	3.60	1.12	0.27